

# PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

## QUYỂN 24

### *Thiên thứ 16* (Phần hai)

#### **Thứ năm: PHẦN CHỌN LỰA ĐẠI CHÚNG**

Xét nghĩ khi pháp sư bước lên giảng tòa, trước tiên phải kính lễ Tam bảo, thanh tịnh bản tâm, xem xét thời gian, chọn lựa đại chúng, hội đủ ý hướng Từ bi cứu sinh lợi vật rồi mới bắt đầu thuyết pháp. Thế nên, kinh Báo ân nói rằng: “Nếu thính giả ngồì, pháp sư đứng, không nên thuyết pháp. Nếu thính giả tìm lỗi của pháp sư, không nên thuyết pháp. Nếu thính giả tin theo người, không tin theo pháp; tin theo chữ, không tin theo nghĩa; tin theo chỗ không hiểu nghĩa kinh, không tin theo chỗ hiểu nghĩa kinh; tin theo kiến thức, không tin theo trí tuệ, gặp những trường hợp này, cũng không nên thuyết pháp. Tại sao thế? Vì những loại thính giả này không biết tôn kính chánh pháp của chư Phật và các Bồ-tát. Nếu giảng sư biết tôn trọng chánh pháp, thính giả cũng sẽ sinh lòng cung kính, dốc tâm lắng nghe, không dám khinh thường ngạo mạn, như thế gọi là thuyết pháp thanh tịnh”. Do đó, kinh A-hàm có kệ nói rằng:

*Thính giả say sưa như khát uống,  
Chuyên chú đào sâu vào ngữ nghĩa,  
Nghe pháp hơn hở, tâm mừng tủi,  
Thính giả như thế, đáng thuyết pháp”.*

Lại nữa, luật Ngũ-phần nói: “Trừ bỏ lòng tham, lòng không coi thường chính mình, không coi thường đại chúng, phát lòng Từ bi, lòng hoan hỷ, lòng làm lợi ích, lòng không lay động. Nếu xác lập được những lòng này, thậm chí chỉ giảng thuyết một bài kệ bốn câu, khiến thính giả hiểu đúng nghĩa, sẽ an lạc suốt đêm trường và được vô lượng công đức”.

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: “Nếu có người thọ trì đọc tụng, sao chép thuyết pháp không đúng lúc đúng nơi, không mời mà thuyết pháp,

khinh mình khinh người, tự ca tụng mình khắp nơi, người ấy sẽ hủy diệt Phật pháp, thậm chí còn khiến vô lượng chúng sanh đọa theo xuống địa ngục. Đó là người có tri thức xấu xa”.

Lại nữa, luận Thập-tụng nói: “Có năm hạng người hỏi pháp không nên trả lời: 1. Hỏi thử, 2. Không nghi mà hỏi, 3. Không thật lòng ăn năn khi phạm giới mà hỏi, 4. Không thọ trì chánh pháp mà hỏi, 5. Cốt đem điều khó khăn bí hiểm ra hỏi. Nếu người hỏi thật sự thành tâm, không có ác ý, chỉ muốn phát sinh điều thiện, tiêu trừ điều ác, pháp sư nên tùy cơ duyên, vận dụng mọi phương cách giảng giải. Nếu có chỗ pháp sư tự mình chưa hiểu tường tận, hoặc còn mơ hồ, thì không được đem ra thuyết, sợ thính giả loan truyền thất thiệt, giảng sư và thính giả sẽ cùng mắc tội”.

Lại nữa, kinh Bách-dụ và luận Tỳ-đàm có nói đến bốn cách hỏi và trả lời: 1/ Trả lời xác định. Thí dụ có người hỏi rằng tất cả hễ có sinh đều phải có tử. Trả lời câu hỏi này là trả lời xác định. 2/ Trả lời phân biệt từng trường hợp. Thí dụ có người hỏi rằng hễ đã có tử ắt phải có sinh. Trả lời câu hỏi này thì cần phải phân biệt từng trường hợp, như đã trừ sạch mầm ái, chắc chắn sẽ vô sinh. Nếu còn mầm ái chắc chắn sẽ còn sinh diệt. Trả lời như thế gọi là trả lời phân biệt từng trường hợp. 3/ Trả lời bằng cách hỏi lại. Thí dụ có người hỏi rằng người là hơn hết. Trả lời câu hỏi này thì cần hỏi lại rằng người là hơn hết so với chúng sanh trong ba đường ác, hay so với chư Thiên. Nếu so với chúng sanh trong ba đường ác, người thật là hơn hết. Nếu so với chư Thiên, người thật sự không bằng. Trả lời như thế gọi là trả lời bằng cách hỏi lại. 4/ Trả lời gác lại. Như có người hỏi đến mười bốn điều khó hoặc hỏi đến thế giới và chúng sanh hữu hạn hay vô hạn, có bắt đầu và cuối cùng, hay không có bắt đầu và cuối cùng. Trả lời câu hỏi này là gác ngang vấn đề. Bàn luận về hỏi, như bàn luận về ngoại đạo ngu si nhưng vẫn tự cho là sáng suốt, thật sự không am tường về bốn bộ luận lớn của nội điển, thế nên chỉ làm được bộ luận phân biệt mà thôi”.

Lại nữa, Kinh Ưu-bà-tắc-giới nói: “Đức Phật bảo rằng người an trụ đúng theo chánh pháp thì có thể tự lợi và lợi tha. Nếu an trụ không đúng theo chánh pháp thì không thể gọi là tự lợi và lợi tha. Người an trụ đúng theo chánh pháp sẽ có tám loại trí tuệ: Một pháp trí. Hai nghĩa trí. Ba thời trí. Bốn Tri túc trí. Năm Tự tha trí. Sáu Chúng trí. Bảy Căn trí. Tám Thượng hạ trí. Người có đầy đủ tám loại trí ấy, nếu thuyết pháp sẽ có đủ mười sáu điều: 1/ Đúng lúc. 2/ Thuyết pháp tận tâm. 3/ Thuyết pháp có thứ tự. 4/ Thuyết pháp hòa hợp. 5/ Thuyết pháp đúng nghĩa.

6/ Thuyết pháp vui vẻ. 7/ Thuyết pháp theo ý nghĩ. 8/ Thuyết pháp không coi thường đại chúng. 9/ Thuyết pháp không la rầy đại chúng. 10/ Thuyết như pháp. 11/ Thuyết pháp tự lợi và lợi tha. 12/ Thuyết pháp không bị phân tâm. 13/ Thuyết pháp hợp đạo lý. 14/ Thuyết pháp chân chánh. 15/ Thuyết pháp về mình nhưng không sinh lòng kiêu ngạo. 16/ Thuyết pháp xong, không cầu mong phước báo ở đời sau. Người như thế có thể nghe người khác.

Khi nghe người khác cũng phải có đủ mười sáu điều: 1/ Nghe đúng lúc. 2/ Nghe vui vẻ. 3/ Nghe tận tâm. 4/ Nghe cúng kính. 5/ Nghe không tìm lỗi của người nói. 6/ Nghe không cốt tranh luận. 7/ Nghe không cốt hơn thua. 8/ Khi nghe, không coi thường người nói. 9/ Khi nghe không coi thường chánh pháp. 10/ Khi nghe, không coi thường chính mình. 11/ Khi nghe, xa lìa được hỷ ngữ cái. 12/ Khi nghe, thọ trì đọc tụng. 13/ Khi nghe, trừ bỏ được ngũ dục. 14/ Khi nghe, có đủ đức tin. 15/ Khi nghe xong, điều phục chúng sanh. 16/ Khi nghe, dứt bỏ các căn hôn ám. Đây các thiện nam tử! Người nào có đầy đủ tám loại trí tuệ như thế, sẽ biết thuyết pháp và nghe thuyết pháp. Người ấy có thể tự lợi và lợi tha. Người không có đủ tám loại trí tuệ ấy không được gọi là tự lợi và lợi tha.

Lại nữa, người biết thuyết pháp có hai hạng: Một là thanh tịnh, hai là hạng không thanh tịnh. Hạng thuyết pháp không thanh tịnh lại có năm điều: 1/ Vì lợi lộc nên mới thuyết pháp. 2/ Vì phước báo nên mới thuyết pháp. 3/ Vì hơn người nên mới thuyết pháp. 4/ Vì mười loại phước báo nên mới thuyết pháp. 5/ Còn nghi ngờ mà vẫn thuyết pháp. Hạng thuyết pháp thanh tịnh lại có năm điều: 1/ Trước tiên thí thực rồi mới thuyết pháp. 2/ Vì muốn xiển dương Tam bảo nên mới thuyết pháp. 3/ Vì muốn tiêu trừ phiền não của chính mình và chúng sanh nên mới thuyết pháp. 4/ Vì muốn phân biệt chính tà nên mới thuyết pháp. 5/ Vì muốn chúng sanh đạt được Vô thượng quả nên mới thuyết pháp.

Này, các thiện nam tử! Hạng thuyết pháp không thanh tịnh gọi là dơ uế, gọi là bán pháp, cũng gọi là ô nhục, cũng gọi là nói sai, cũng gọi là mất mát ý chí”.

Lại nữa, trong kinh Pháp-cú-dụ, đức Phật có nói kệ rằng:

*Tuy đọc tụng nghìn chương  
Nghĩa câu không hiểu đúng,  
Không bằng hiểu câu chính,  
Nghe xong được thanh tịnh.  
Tuy đọc tụng nghìn lời,*

*Không hiểu nghĩa ích gì!  
 Không bằng nắm một nghĩa,  
 Tu theo, được giải thoát.  
 Tuy đọc tụng nhiều kinh,  
 Không hiểu rõ ích gì!  
 Hiểu rõ nghĩa một câu,  
 Tu theo, được đắc đạo”.*

Lại nữa, kinh Đại-pháp-cự-Đà-la-ni nói; “Như người thợ trì chánh pháp muốn tu luyện thần chú không bị gián đoạn và các pháp sư sắp sửa thuyết pháp, sửa mình ngồi yên, tụng chú sau đây: “Đát diệt tha, đà ca na, a ca nam ca na, ca na ca na, na ca, ca ca na ca, a ca ca na ca, ca na ca na, ca na a ca na, ca ca na, bà tỳ sát, đế dạ tha bà tỳ sát, dạ tha già già na, đa tha bà tỳ sát đế, đa tha ma ca xá, na ca xá ca ca xá”.

Bấy giờ, pháp sư được quyền thuộc ngồi vây quanh, tạo thành phương tiện gia hộ, khiến pháp sư không bị động tâm, nên thuyết pháp không bị gián đoạn, diệt trừ được ác dục, khiến bọn La-sát nữ không phá hoại thính chúng. Nhờ thế, ý nguyện của pháp sư không bị cản trở”.

#### **Thứ sáu: PHẦN TIỆM ĐÓN**

Như kinh Bách dụ nói: “Ngày xưa, có làng nọ nằm cách kinh thành 5 do tuần. Trong làng có loại nước ngon ngọt, nên nhà vua ra lệnh bắt dân làng hàng ngày cung cấp nước ấy. Dân làng cung phụng mệt nhọc quá, muốn bỏ làng ra đi. Lý trưởng bảo mọi người: “Đừng bỏ đi, ta sẽ xin nhà vua đổi 5 do tuần thành 3 do tuần để mọi người đi lại gần hơn, không mệt nhọc nữa”. Lý trưởng đem tâu lên, nhà vua đổi thành 3 do tuần. Mọi người nghe tin, hết sức vui mừng. Có người nói: “Đoạn đường thật sự vẫn là 5 do-tuần, có gì khác đâu!” Dầu nghe lời này, nhưng dân làng tin nhà vua, nên không bỏ đi nữa. Người trên thời gian cũng thế, tu theo chánh pháp phải vượt qua năm đường mới đến Niết-bàn, nên sinh lòng mỏi mệt, muốn bỏ dở, trì trệ trong vòng sinh tử, không thể tiến lên. Pháp vương Như Lai khéo thuyết pháp, phân nhất thừa thành tam thừa. Người theo tiểu thừa nghe được, sinh ra vui mừng cho là dễ thực hiện, tu thiện dưỡng đức, mong sao vượt khỏi sinh tử luân hồi. Về sau nghe có người nói không có tam thừa, chỉ có nhất thừa, người theo tiểu thừa vì cố chấp vào lời đức Phật dạy, nên không chịu bỏ thành kiến tam thừa, giống như dân làng nói trên mà thôi”.

Lại nữa, kinh Hoa-nghiêm nói: “Này, các Phật tử! Giống như mặt

Trời hiện ra soi sáng các núi chúa lớn, kể đến soi sáng các núi lớn, các núi kim cương quý báu, sau đó mới soi sáng mặt đất (Ánh sáng mặt Trời không nghĩ rằng trước hết, ta phải soi sáng khắp các núi chúa lớn, kể đến soi sáng khắp mặt đất, vì mặt đất có chỗ cao thấp, nên soi sáng có chỗ trước sau), Như Lai ứng cúng Đẳng Chánh Giác cũng thế, nhờ thành tựu được mặt Trời trí tuệ bao la vô lượng vô biên pháp giới, nên thường phóng ánh sáng trí tuệ vô lượng vô ngại soi sáng khắp các núi chúa lớn của hàng Bồ-tát, kể đến soi sáng các Duyên giác, kể đến soi sáng các Thanh văn, kể đến soi sáng các chúng sanh có căn lành được tùy cơ thọ trì giáo hóa, sau đó mới soi sáng mọi chúng sanh. Thậm chí soi sáng các chúng sanh còn lầm lạc, giúp tạo nên nhân duyên lợi ích về sau (ánh sáng của mặt Trời trí tuệ Như Lai không nghĩ rằng trước hết ta phải soi sáng các Bồ-tát, kể đến soi sáng các chúng sanh còn lầm lạc mà phóng ánh sáng trí tuệ lớn lao soi sáng khắp tất cả). Nay, các Phật tử! Giống như mặt Trời mặt trăng hiện ra soi sáng khắp thế gian, thậm chí khắp các núi sâu hang vắng, mặt Trời trí tuệ của Như Lai cũng thế, soi sáng tất cả, chỉ vì các chúng sanh có mầm thiện không đều, nên ánh sáng của trí tuệ Như Lai có nhiều khác biệt”.

**Thứ bảy: PHẦN PHÁP THÍ**

Như luận Thập-trụ-tỳ-bà-sa nói: “Theo các phẩm xưng pháp sư công đức và thuyết pháp nghĩa giới tùy thuận tu học của kinh. Quyết định-vương-đại-thừa, như Bồ-tát muốn đem chánh pháp bố thí cho chúng sanh, cần phải thực hành bốn điều; 1/ Bác học thông thái, ghi nhớ mọi lời lẽ, câu đoạn. 2/ Biết rõ ràng chắc chắn mọi pháp sinh diệt của thế gian và xuất thế gian. 3/ Có tuệ Thiền định, tuân theo chánh pháp trong kinh, không đâm ra tranh cãi. 4/ Tu tập theo kinh dạy, không thêm không bớt.”

Lại nữa, kinh chánh pháp-niệm nói: “Nếu có chúng sanh thực hành thiện nghiệp, thuyết pháp một câu kệ, giúp người tà kiến tin tưởng thuần thành vào đức Phật, khi mệnh chung, chúng sanh ấy sẽ được sinh lên cõi Trời Ứng Thanh, hưởng thụ đủ loại phước báo. Khi hết thọ mạng Trời, mới hạ sinh xuống các cõi dưới, luân chuyển theo nghiệp. Nếu có chúng sanh thuyết pháp vì muốn lấy tiền của, không vì bị tâm làm lợi ích chúng sanh, hoặc uống rượu, hoặc cùng nữ giới ăn uống vui chơi để cầu tài lợi, thuyết pháp như thế, phước báo rất ít, sẽ sinh lên cõi Trời, làm loài chim trí tuệ, biết đọc tụng kệ ca. Như thế, gọi là bố thí pháp cấp thấp. Thế nào gọi là bố thí pháp cấp trung bình? Vì tiếng tăm, vì

hơn người vì hơn các pháp sư khác mà thuyết pháp, hoặc vì ganh đua mà thuyết pháp. Bồ thí pháp như thế, phước báo cũng ít, được sinh lên cõi Trời, hưởng thụ phước báo trung bình, hoặc sinh làm người mà thôi. Như thế gọi là bồ thí pháp cấp trung bình. Thế nào gọi là bồ thí pháp cấp cao? Thuyết pháp bằng tâm thanh tịnh, chỉ muốn phát huy trí tuệ của chúng sanh, không cầu tài lợi và muốn các chúng sanh tà kiến được an trụ vào chánh pháp. Bồ thí pháp như thế, tự lợi lợi tha, đạt quả tối cao Vô thượng, được nhập Niết-bàn, phước báo bất tận, gọi là bồ thí pháp cấp cao”.

Lại nữa, trong kinh Ca-diếp, đức Phật nói kệ rằng:

*Lấy châu báu chất đầy  
Tam thiên đại thế giới,  
Rồi đem ra bố thí,  
Công đức vẫn rất ít.  
Thuyết pháp một câu kệ,  
Công đức còn nhiều hơn.  
Nhạc cụ đầy tam giới,  
Đem bố thí một người,  
Không bằng nói câu kệ,  
Công đức lớn lao hơn.  
Công đức này hơn hẳn,  
Vì giúp lìa phiền não.  
Nếu chất đầy châu báu  
Khắp hà sa thế giới,  
Rồi cúng dường chư Phật,  
Không bằng cúng dường pháp.  
Cúng dường Phật phước nhiều,  
Không bằng bố thí pháp.  
Bố thí một câu kệ  
Phước đức nhiều đến thế,  
Hướng gì nhiều câu kệ,  
Phước đức không thể nghĩ!”*

Lại nữa, luận Thập-trụ-tỳ-bà-sa nói: “Người tại gia nên thực hành tài thí, người xuất gia nên thực hành pháp thí. Tại sao? Vì người tại gia thực hành pháp thí không bằng người xuất gia. Kể nghe pháp nơi người tại gia sẽ phát tín tâm mỏng mảnh. Vả lại, người tại gia có nhiều của cải, người xuất gia thông thạo kinh điển, đọc tụng rành rẽ, giảng giải tinh tường, dũng mãnh trước đại chúng. Điều này, người tại gia không

thể sánh kịp người xuất gia. Hơn nữa, khiến người nghe phát tâm cung kính, người tại gia không bằng người xuất gia. Lại muốn thuyết pháp để hàng phục nhân tâm, người tại gia cũng không bằng người xuất gia, như kệ có nói:

*Trước tiên phải tu hành chánh pháp,  
Sau đó mới giáo hóa mọi người  
Và mới có thể nói lời này:  
Hãy làm theo những gì ta làm.  
Bản thân còn làm điều không tốt,  
Sao có thể khiến người khác tốt?  
Bản thân còn chưa được tịch lặng,  
Sao có thể khiến người tịch lặng?*

Cần nói thêm rằng, nếu người xuất gia thực hành tài thí, sẽ hại đến các thiện nghiệp khác, vì xa lìa nơi thanh tịnh để đến các xóm làng gần gũi với người thế gian, nói năng qua lại, dấy động tam độc, hơi hốt lục độ, thậm chí tham luyện ngữ dục, sinh ra phá giới hờn tặc, nên gọi là chết. Có khi phẫn giới, dễ gây nên tội trọng, đáng gọi là chết, bị đả loại phiền não hành hạ khổ sở. Vì thế, đối với người xuất gia, tán dương phép pháp thí; đối với người tại gia, tán dương phép tài thí”.

Lại nữa, kinh Kim-quang-minh nói: “Thuyết pháp có năm sự kiện: 1/ Pháp thí, ta và người đều có lợi, tài thí không sánh bằng. 2/ Pháp thí có thể khiến chúng sanh siêu việt tam giới, tài thí không ra khỏi dục giới. 3/ Pháp thí đem lại lợi ích cho pháp thân, tài thí chỉ nuôi dưỡng sắc thân. 4/ Pháp thí làm lớn mạnh vô cùng, tài thí có lúc cạn kiệt. 5/ Pháp thí có thể đoạn trừ vô minh, tài thí chỉ điều phục tham tâm. Thế nên, tài thí không thể sánh kịp pháp thí. Tuy nhiên, pháp thí cũng có hạn chế, như hiểu biết mà không nói ra, sợ người khác hơn mình, nên cứ giấu giếm. Kiếp sau sẽ vĩnh viễn không được nghe thuyết pháp”.

Lại nữa, luận Trí-độ nói: “Nếu bủn xỉn không chịu bố thí pháp, sẽ bị sinh vào các chỗ biên địa xa xôi, không có Phật pháp. Vì thói bủn xỉn ấy làm cản trở trí tuệ sáng suốt của các chúng sanh khác. Thói xấu này không bằng thói bán pháp. Thói bán pháp còn hơn thói bủn xỉn ấy”.

Lại nữa, luận Thành-thật nói: “Nếu có người thuyết pháp cho người khác, sẽ gọi là lợi tha. Dẫu người này không tu hành theo chánh pháp, nhưng vì có công thuyết pháp cho người khác, nên bản thân cũng được hưởng lợi. Pháp thí có ba bậc: 1/ Pháp thí bậc thấp: chỉ thuyết pháp về bố thí, không thuyết pháp về trí tuệ. 2/ Pháp thí bậc trung bình: Chỉ thuyết pháp về giữ giới. 3/ Pháp thí bậc cao: thuyết pháp về trí tuệ, dạy

người quán lý được hoặc đoạn trừ hai chướng ngại của hoặc và trí, xa lìa sinh tử, về sau sẽ thành đạo, chứng quả Niết-bàn. Thậm chí chỉ thuyết pháp về tiểu thừa, chỉ giáo hóa một người, khiến quán tưởng lẽ sinh không, rồi theo đó tu hành. Dầu chưa đắc đạo, nhưng công đức thuyết pháp vẫn hơn hẳn giáo hóa tất cả mọi chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề thực hành thập thiện, bởi người ấy biết tin tưởng tu hành, tạo nên nhân duyên giải thoát, chứng quả Niết-bàn”.

Lại nữa, kinh Chư-pháp-dũng-vương nói: “Giả sử tất cả chúng sanh dưới nước, trên bộ và trong không của cõi Diêm-phù-đề đều được làm người, giả sử có người giáo hóa mọi chúng sanh này đều giữ gìn ngũ giới và thực hành thập thiện, công đức của người này sẽ không bằng được công đức của người chỉ giáo hóa một chúng sanh biết tin tưởng và tu hành theo chánh pháp”.

Lại nữa, luận Thập-trụ-tỳ-bà-sa nói: “Có bốn cách làm thối thất trí tuệ mà hàng Bồ-tát cần xa lánh: 1/ Không cung kính pháp và không thuyết pháp. 2/ Giấu giếm bủn xỉn các pháp bí yếu. 3/ cản trở và phá hoại thành tâm nghe pháp của người mến pháp. 4/ Kiêu ngạo tự cao, coi thường người khác. Có bốn cách đạt được trí tuệ, cần thường xuyên tu tập: 1/ Cung kính pháp và người thuyết pháp. 2/ Thuyết giảng lại cho người khác nghe thật đúng những điều đã nghe hay đã đọc tụng với tâm thanh tịnh không vụ lợi. 3/ Biết tìm tòi theo học các bậc thiện tri thức để đạt trí tuệ sáng suốt như là nhiệm vụ cứu chữa cấp bách. 4/ Ghi nhớ không quên những điều đã nghe, cốt để thực hành chứ không phải để nói suông không”.

#### **Thứ tám: PHẦN BÁO ƠN**

Như kinh Thiện-cung-kính nói: “Đức Phật bảo A-nan, nếu có chúng sanh nghe nói một câu kệ xong, đem sao chép lên tre lụa, trong đó có bao nhiêu chữ thì trong bấy nhiêu kiếp, công đội Hòa thượng A-xà-lê lên vai và đem mọi thứ âm nhạc cúng dường, cũng không thể báo đền nổi công ơn Hòa thượng A-Xà-lê ấy. Trong tương lai, đối với Hòa thượng bốn sư, nếu sinh lòng bất kính, nêu ra lỗi lầm, chê bai dốt nát, sẽ chịu nhiều khổ sở và chắc chắn sẽ bị đọa xuống địa ngục. Bởi thế, A-nan! Ta dạy các ông luôn luôn giữ lòng cung kính tôn trọng Hòa thượng bốn sư, sẽ đạt được diệu lý cao siêu. Đây chính là phép kính yêu Tam bảo vô cùng sâu sắc”.

Lại nữa, kinh Phạm-võng nói: “Nếu Phật tử gặp các pháp sư đại thừa có cùng kiến giải và đạo hạnh từ xa đến các tự viện hay xóm làng,



phải lập tức cung nghinh lễ bái. Mỗi ngày ba bận cúng dường mọi thức ăn uống ngon ngọt tốn đến vài lượng, giường chiếu tọa cụ, mọi thứ nhu cầu đều cung cấp đầy đủ. Mỗi ngày thỉnh cầu pháp sư thuyết pháp ba buổi, lễ bái pháp sư ba lượt, không sinh lòng sân hận bực tức. Phải thành khẩn phát tâm quên mình cầu đạo, nếu không sẽ phạm tội khinh cầu”.

Lại nữa, kinh Ưu-bà-tắc-giới nói: “Nếu nam cư sĩ đã thọ trì sáu giới trọng, trong khoảng bốn mươi dặm có chỗ thuyết pháp mà không đến nghe, sẽ phạm tội thất ý”.

Lại nữa, kinh Đại-phương-đăng-đà-la-ni nói: “Đức Phật bảo A-nan, nếu cha mẹ vợ con không cho đến đạo trường, người ấy nên đến trước các người thân, đốt đủ loại hương thơm, quỳ xuống chấp tay nói rằng: “Nay tôi muốn đến đạo trường, xin thương xót cho phép”. Rồi đem mọi điều giải thích, thuyết minh nhiều lần. Nếu không được chấp thuận, người ấy chỉ nên ở nhà tịnh tọa trì tụng kinh điển mà thôi”.

Lại nữa, kinh chánh pháp-niệm nói: “Nếu có người cúng dường pháp sư thuyết pháp, nên nhớ rằng người này đang cúng dường chư Phật hiện tại. Như thế, tùy theo phẩm vật cúng dường, người này sẽ thành tựu nguyện vọng, thậm chí đạt được quả A-nậu-Bồ-đề. Tại sao? Vì nhờ nghe pháp nên tâm được điều phục. Tâm được điều phục nên có thể đoạn trừ được mọi hắc ám của sinh tử vô minh. Nếu không nghe pháp, chẳng còn cách nào có thể điều phục bản tâm”.

Lại nữa, kinh Thắng-Tư-Duy nói: “Không phát khởi tội nghiệp, không phát khởi phúc nghiệp, không phát khởi bất động nghiệp. Như thế gọi là cúng dường Phật”.

Lại nữa, kinh Hoa-thủ nói: “Nếu đem các thứ hoa hương, y phục, thức ăn, thuốc uống cúng dường chư Phật, không gọi là cúng dường chân chính. Như Lai thuyết pháp ở đạo trường, nếu lãnh hội được chánh pháp vi diệu và tu tập đúng đắn, như thế mới gọi là cúng dường chân chính. Thế nên nói kệ rằng:

*Nếu đem các loại hoa hương xức,  
Y phục thức ăn và thuốc uống,  
Cúng dường khắp tất cả chư Phật  
Không gọi là cúng dường chân chính.  
Như Lai thuyết pháp ở đạo trường,  
Lãnh hội được chánh pháp vi diệu  
Và biết y theo đó tu học,  
Mới gọi là cúng dường chân chính”.*

Lại nữa, luận Thập-trụ-Tỳ-bà-sa nói: “Đức Phật bảo A-nan, chư

Thiên làm mưa hương hoa cũng không gọi là cúng dường và cung kính Như Lai. Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di chú tâm không vọng niệm, thân cận tu tập chánh pháp, như thế mới gọi là cúng dường chư Phật rất chân chính”.

Lại nữa, kinh Bảo-vân nói: “Đừng đem của cải cúng dường đức Phật. Vì sao? Vì pháp thân của Như Lai không cần đến của cải, chỉ nên lấy pháp cúng dường đức Phật. Để thành tựu viên mãn Phật đạo, lấy pháp cúng dường là tốt đẹp hơn cả”.

Lại nữa, kinh Thiện-Cung-Kính nói: “Đức Phật bảo, nếu Tỳ-kheo có tuổi hạ, nhưng không thông hiểu kinh kệ, Tỳ-kheo ấy cũng nên theo thầy học hỏi. Tại sao? Vì tự mình còn chưa hiểu biết, làm sao có thể làm thầy người khác? Giả sử Tỳ-kheo già cả có hằng trăm tuổi hạ, nhưng không am hiểu chuyện Tăng-già, không thông thạo giới luật, cũng nên nói đến chuyện theo thầy học hỏi. Nếu Tỳ-kheo theo thầy học hỏi, nên có lòng tôn trọng cung kính thầy.

Khi theo thầy học đạo, không được cười cợt, không được lố lửng, không được tréo chân, không được ngó chân, không được dậm chân, không được đá chân. Thầy chưa hỏi đến, không được trả lời. Thầy có sai bảo, không được trái ý. Không được nhìn vào mặt thầy, phải đứng cách thầy ba cánh tay. Thầy bảo ngồi mới ngồi, không được trái lệnh. Ở bên cạnh thầy, phải tỏ lòng hiền dịu. Nếu có điều nghi, phải đem ra hỏi. Được thầy chấp thuận, mới là hợp lý. Mỗi ngày ba bận phải tham kiến thầy, trình bày tiến chỉ. Nếu ba lượt không tham kiến, thầy sẽ sửa trị theo giới luật. Nếu tham kiến không gặp thầy, phải lấy cục đất, cành cây hay ngọn cỏ để lại làm chứng. Nếu gặp thầy đang ở trong phòng phải thành tâm đi quanh phòng ba lượt, hương về thầy đánh lễ rồi mới được phép trở lui. Nếu không gặp thầy, mọi việc gác lại, không được làm gì, trừ đại tiểu tiện. Lại nữa, khi ở bên thầy, không được nói lớn. Thầy có tránh cứ, không được trả lời. Giường ghế của thầy, phải siêng lau chùi, không để bụi bặm, kiến rận bám đeo, khi thầy nằm ngồi đến khi thầy dậy, phải siêng tụng niệm. Mặt Trời vừa hé, liền đến bên thầy, ân cần hỏi han làm công chuyện gì. Lại nữa, lúc ở bên thầy, không được khạc nhổ, giống như lên điện, để kính trọng thầy. Không lấy cà-sa trùm vai trùm đầu. Khi Trời nóng nực, mỗi ngày ba bận, hầu quạt cho thầy. Ba bận xách nước để thầy tắm rửa. Lại cũng ba bận, dâng nước uống mát. Thầy làm việc gì, tận tâm tận lực phụ giúp cho thầy”. Đức Phật bảo A-nan: “Mai sau trên đời, nếu các Tỳ-kheo khi ở bên thầy, không biết kính trọng, kể với đại chúng sơ suất của thầy, các Tỳ-kheo

ấy không phải là Tu-đà-hoàn, cũng không phải là phạm phu xấu ác, mà chính là bọn ám độn ngu si đáng đem xử trị. Dầu thầy có lỗi, không được nói ra, huống không phạm lỗi, sao dám bịa chuyện? Nếu các Tỳ-kheo ở bên thầy, không biết cung kính, ta bảo cho biết, có địa ngục nhỏ tên là đánh đập, sẽ bị đọa xuống đó. Khi đã đọa xong, một thân bốn đầu đều phát lửa đỏ, giống như bó đuốc, tóe ra lửa mạnh, không thể dập tắt. Đến khi tắt xong, trong địa ngục ấy, có loại côn trùng tên là gò bó ăn hết cuống lưỡi. Sau khi chết đi, sinh vào súc sinh, bởi vì trước đây, cuống lưỡi gây tội nhục mạ đến thầy, nên phải ăn lấy dơ uế. Hết kiếp súc sinh, lại sinh làm người ở chỗ hẻo lánh, đủ thứ xấu xa. Tuy mang thân người, da chẳng giống người, cơ thể không đủ, thường bị kẻ hạ tiện mắng nhiếc nhục mạ. Không gặp được đức Phật, không có trí tuệ. Sau khi chết đi, lại bị đọa xuống địa ngục, chịu đựng vô lượng vô biên nỗi đớn đau khổ sở”.

### ***Thứ chín:*** PHẦN LỢI ÍCH

Như kinh Chánh Pháp-Niệm nói: “Thuyết pháp có mười loại công đức rất lợi ích: 1/ Thời gian và địa điểm đầy đủ. 2/ Phân tích dễ hiểu. 3/ Hợp với chánh pháp. 4/ Không vụ lợi. 5/ Cốt để điều phục tâm. 6/ Tùy duyên thuyết pháp. 7/ Thuyết pháp về Bồ thí sẽ được phước báo. 8/ Thuyết pháp về sinh tử có nhiều chương ngại. 9/ Thuyết pháp về chư Thiên cũng bị Thối thất, sinh diệt. 10/ Thuyết pháp chứng minh có nghiệp quả. Người thuyết pháp có đủ mười công đức này sẽ khiến người nghe đạt nhiều lợi ích an lạc, thậm chí đạt được cứu cánh Niết-bàn. Một khi công đức nghe pháp được thành tựu sâu xa, niềm tin trong sáng thành đạt hết vào Tam bảo, dù mới cất chân bước đến pháp đàn để nghe thuyết pháp, đã thấy sinh ra vô lượng phước đức”.

Lại nữa, kinh Đại-Bồ-tát-tạng nói: “Đối với các Bồ-tát, phát tâm hết sức yêu thích như đối với các bậc đại sư. Đối với pháp bảo, phát tâm yêu thích như đối với bản thân. Đối với Chư Phật, phát tâm yêu thích như đối với bốn mạng. Đối với tôn sư, phát tâm yêu thích như đối với cha mẹ. Đối với chúng sanh, phát tâm yêu thích như ruột. Đối với đạo sư, phát tâm yêu thích tôn kính như đối với đôi mắt. Đối với phạm hạnh chân chính, phát tâm yêu thích như đối với tai mắt, đầu thân. Đối với Ba-la-mật, phát tâm yêu thích như đối với chân tay. Đối với pháp sư thuyết pháp, phát tâm yêu thích như đối với các bảo vật vô giá. Đối với tâm nguyện cầu mong chánh đạo, phát tâm yêu kính như đối với thuốc hay. Đối với người chỉ ra lỗi lầm và nhắc nhở, phát tâm yêu kính như

đối với thầy giỏi”.

Lại nữa, kinh Tăng-già-tra nói: “Bấy giờ, tất cả các vị Bồ-tát Dũng Mãnh bạch đức Phật rằng: “Thưa đức Thế-tôn, nếu có chúng sanh nghe được chánh pháp này, sẽ hưởng thọ mạng bao nhiêu kiếp?” Đức Phật bảo; “Sẽ hưởng thọ mạng đủ tám mươi kiếp”. Các vị Bồ-tát dũng mãnh bạch đức Phật: “Lấy gì để ước lượng kiếp? Đức Phật bảo: “Thí dụ có một thành lớn vuông vức hai mươi do-tuần, cao ba do tuần, chứa đầy hạt mè, có người sống thọ hơn một trăm tuổi mới lấy đi một hạt mè. Đến khi hạt mè trong thành hết, nhưng kiếp vẫn còn. Lại như có ngọn núi lớn, chu vi hai mươi lăm do-tuần, cao mười hai do-tuần, có người sống thọ hơn một trăm tuổi mới lấy tấm lụa mỏng phất ngang qua một lần. Đến khi núi mòn hết nhưng kiếp vẫn còn. Như thế gọi là thời lượng của kiếp”. Bấy giờ, tất cả các Bồ-tát dũng mãnh bạch đức Phật rằng: “Thưa đức Thế-tôn, chỉ một lần phát tâm nghe chánh pháp, còn được phước đức lớn lao, hưởng thọ tám mươi kiếp như thế, hưởng gì tu hành sâu rộng theo chánh pháp?”

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: “Lìa bỏ tứ pháp mà vẫn chứng được Niết-bàn là điều không thể có. Tứ pháp là gì? 1/ Thân cận thiện hữu. 2/ Chuyên tâm nghe pháp. 3/ Luôn luôn tư duy. 4/ Tu tập đúng theo chánh pháp.

Theo ý nghĩa này, có nhân duyên nghe pháp chính là gần gũi với nhập Niết-bàn. Tại sao? Bởi vì được khai mở pháp nhãn. Thế gian có ba hạng người: 1, Là hạng không có mắt, 2, là hạng có một mắt và 3, là hạng có hai mắt. Nói không có mắt là hạng người không được nghe pháp. Có một mắt là hạng người tạm thời nghe pháp nhưng tâm không trụ. Có hai mắt là hạng người chuyên tâm nghe pháp và theo đó tu hành. Cũng nhờ được nghe pháp nên mới biết trên thế gian có ba hạng người như thế”.

Lại nữa, kinh Pháp-cú-dụ nói: “Ngày xưa đức Phật thuyết pháp cho chư Thiên và dân chúng tại Tinh xá của Trưởng giả Cấp-Cô-Độc ở nước Xá-vệ. Bấy giờ Quốc vương Ba-tư-nặc có công chúa góa bụa tên Kim Cương được Quốc vương và hoàng hậu thương yêu, cất riêng cho cung thất và ban cho năm trăm nữ nhạc để giúp vui. Công chúa có tỳ-nữ già tên Độ Thắng thường ra chợ mua sắm son phấn hương hoa. Độ Thắng thấy vô số nam nữ mang hương hoa chen chúc ra ngoài thành, đến Tinh xá của đức Phật, liền hỏi bọn họ đi đâu. Mọi người trả lời: “Hiện có đức Phật xuất thế, ngài là bậc chí tôn trong tam giới, thuyết pháp cứu độ chúng sanh đều nhập Niết-bàn”. Nghe nói, Độ Thắng vui

mừng hơn hờ nghĩ rằng: “Nay ta đã già, còn được gặp đức Phật. Thật do phước đức từ kiếp trước”. Bèn lấy bớt tiền mua hoa tươi đi theo mọi người đến Tinh xá, đánh lễ đức Phật rồi đứng lùi một bên, rải hoa đốt hương cúng dường và chú tâm nghe thuyết pháp. Sau đó ra chợ mua hương thơm. Nhờ công đức nghe pháp và nhân lành từ kiếp trước, hương thơm nồng hơn và trọng lượng Tăng thêm nhiều hơn. Chỉ hiềm về trễ, nên mọi người trong cung xúm lại gạn hỏi. Độ Thắng vì sùng kính đức Phật, liền đem sự thật nói ra: “Thời gian hiện có bậc chí tôn trong tam giới giống trống pháp Vô thượng chấn động khắp đại thiên thế giới. Vô số chúng sanh đến nghe thuyết pháp. Ta cũng có đến, nên mới về trễ.” Kim Cương và đám thị nữ nghe nói đức Phật thuyết pháp vi diệu hiếm có, sững sốt thở than: “Riêng bọn ta mắc tội gì lại không được nghe?” Bèn bảo Độ Thắng thử nói lại. Độ Thắng thưa: “Hiện tại thân ta hèn hạ, miệng ta dơ ướ, không dám nói ra. Muốn nghe chánh pháp đúng cách, trước tiên hãy đặt tòa cao, ta mới vâng lời nói pháp”. Năm trăm thị nữ hết sức vui mừng, cởi áo chất thành pháp tòa. Độ Thắng tắm gội sạch sẽ, nương nhờ uy lực của đức Phật, bước ra thuyết pháp. Đám Kim Cương giải thoát mọi nghiệp chướng, cùng chứng quả Tu-đà-hoàn. Chẳng may hỏa tai nổi lên, tất cả đều bị chết thiêu, sinh lên cõi Trời. Quốc vương đưa người đến cứu chữa không kịp, đành thu thập di thể chôn cất. Xong xuôi, Quốc vương đến bên đức Phật đánh lễ và chắp tay thưa rằng: “Kim Cương cùng tất cả thị nữ bị hỏa tai thiêu chết, đã được chôn cất. Chẳng hay vì tội gì phải bị nạn ấy, xin đức Thế-tôn nói rõ sự tình”. Đức Phật bảo: “Này, Quốc vương! Vào thời quá khứ tại thành ba-la-nại có vợ của vị Trưởng giả dất năm trăm thể nữ đến đến thờ lớn ngoài thành để cúng tế. Lệ của bà ta rất nghiêm: Người khác phái không được đến gần bên, không kể thân sơ, nếu vi phạm, sẽ bị ném vào lửa. Bấy giờ có vị Bích-chi Phật tên Ca-la tu hành trong núi. Sáng xuống khát thực, chiều lại trở về. Hôm ấy, Ca-la đến khát thực tại đền thờ. Vợ của Trưởng giả trông thấy, bưng bưng nổi giận, cùng thợ nữ xúm lại bắt ném vào lửa đỏ. Ca-la toàn thân cháy rụi, bèn hiển hiện thân thông, bay vút lên giữa hư không. Bọn người nữ kinh hoàng, khóc lóc ăn năn, cùng quỳ mọp xuống thưa rằng: “Bọn nữ nhân chúng tôi ngu tối, không biết được ngài, lỡ lầm hỗn xược, xúc phạm đến oai thần. Xin ngài rộng lượng ban ơn phước hóa giải mọi tai ương”. Vừa dứt lời, Ca-la lập tức bay xuống và nhập Niết-bàn. Bọn người nữ ấy bèn xây tháp phụng thờ xá-lợi”. Đức Phật lại nói kệ cho Quốc vương rằng:

*Ngu si làm ác,*

*Chẳng hiểu tại sao.  
Họa giáng, tự đốt.  
Tội lỗi đã tỏ,  
Ngu si không thấy,  
Không nói tự chuốc.  
Khi xuống địa ngục,  
Mới biết do ác.*

Đức Phật bảo Quốc vương: “Vợ của trưởng đương thời chính là công chúa Kim Cương của nhà vua đấy. Năm trăm thị nữ đương thời chính là Độ Thắng và năm trăm nữ nhạc. Tội phúc bên người, lâu mấy vẫn tỏ; thiện ác theo người, như bóng theo hình”. Khi đức Phật thuyết pháp đến đây, tất cả đại chúng lớn nhỏ đến nghe đều được tỏ ngộ”.

Lại nữa, kinh A-dục-vương nói: “Ngày xưa, vua A-thứ-già nhờ pháp sư thuyết pháp, sai lấy bình phong che đám cung tần rồi bắt ngồi nghe. Pháp sư giảng luận về bố thí, giới luật và sinh lên cõi Trời. Một cung tần phá lệ, vén màn tiến lên trước hỏi rằng: “Thưa pháp sư, khi đức Như Lai ngồi dưới cây Bồ-đề giác ngộ các pháp, chính là giác ngộ bố thí, giới luật hay các pháp nào khác?” Pháp sư đáp: “Đức Phật giác ngộ rằng mọi thứ phiền não đều gây nên khổ, giống như nấu thép trong lò. Khổ ấy do tập sinh ra, giống như cây độc. Tu tập theo Bát chánh đạo để diệt khổ”. Cung tần ấy nghe xong lời này liền chứng được quả Tu-đà-hoàn. Sau đó, lấy dao cọt vào cổ, đi đến bên Quốc vương râu rằng: “Hôm nay tôi phạm tội lớn, kính xin Quốc vương trừng trị”. Quốc vương hỏi: “Nhà người phạm tội gì? Cung tần râu: “Tôi đã phạm vào lệnh cấm của Quốc vương, dám đến trước pháp sư, như trâu khát nước, không sợ tội chết, vì quá khát khao lắng nghe Phật pháp.” Quốc vương hỏi thêm: “Nhà người nghe pháp, có tỏ ngộ gì chăng?” Râu rằng: “Nhận thức rõ tứ diệu đế, hiểu rõ ngũ uẩn và tứ đại. Tất cả đều vô ngã. Nhờ thế, chứng được pháp nhãn”. Vừa nghe xong, nhà vua nhảy lên reo vui mừng, rồi cúi đầu đánh lễ cung tần và ra lệnh: “Từ nay về sau, không được che bình phong ngăn cách. Nếu có cung tần nào hâm mộ chánh pháp, ta cho phép được đến trước pháp sư lắng nghe thuyết pháp.” Quốc vương còn tán thán thêm: “Lạ lùng thay! Không ngờ trong cung ta lại xuất hiện một nhân vật quý báu đến thế! Mới biết nghe pháp có ích lợi to lớn vô cùng!”

Lại nữa, kinh Tập-bảo-tạng nói: “Bấy giờ, nước Bát-già-la đem năm trăm con nhạn trắng tặng Quốc vương Ba-tư-nặc. Quốc vương sai đưa đến Tinh xá-Kỳ-hoàn. Khi chư Tăng thọ trai, mọi người đều ăn.

Bầy nhận thấy Tăng chúng, liền đến đứng phía trước. Đức Phật dùng phép nhất âm thuyết pháp, chúng sanh đều hiểu. Bầy nhận cũng hiểu tiếng người, lấy làm vui mừng nghe pháp. Xong xuôi, cùng nhau bay về hồ nước. Sau đó, lông vũ hóa dài, bầy chim bay đến các chỗ xa hơn, bị bọ thợ săn giăng lưới giết hết. Một con cất tiếng kêu lên, cả bầy cùng kêu theo âm thanh nghe pháp trước đây. Nhờ thiện tâm ấy, được sinh lên cõi Trời Đao-lợi. Lệ sinh lên cõi Trời, cần suy nghĩ ba điều: một suy nghĩ từ nơi nào đến. Hai suy nghĩ về sinh vào đâu. Ba suy nghĩ trước đây tạo nghiệp gì được sinh lên cõi Trời. Bầy nhận suy nghĩ từ tiền kiếp xa xưa, không tạo được nghiệp thiện gì ngoài chuyện nghe pháp. Suy nghĩ được như thế, năm trăm vị Trời liền bay xuống bên đức Phật nghe thuyết pháp và cùng chứng quả Tu-đà-hoàn. Quốc vương Ba-tư-nặc trước đây mỗi lần đến tham kiến đức Phật, thường thấy bầy nhận đậu la liệt phía trước, nhưng hôm nay không thấy, liền hỏi: “Bầy nhận bữa nay đi đâu?” Đức Phật đáp: “Bầy nhận ấy vì bay đi xa, bị thợ săn giết chết, được sinh lên cõi Trời làm năm trăm vị Thiên tử áo mũ trang nghiêm, hôm nay nghe ta thuyết pháp đã chứng được quả tu đà-hoàn”. Quốc vương hỏi: “Vì nhân duyên nào, bầy nhận ấy bị đọa xuống làm súc sinh, khi mệnh chung được sinh làm Trời và nay lại đắc đạo?” Đức Phật đáp: “Vào thời đức Phật Ca-diếp xa xưa có năm trăm người nữ thọ giới nhưng lại phạm giới, nên bị đọa xuống làm súc sinh. Nhờ có thọ giới, được gặp đức Phật, được nghe thuyết pháp, được sinh làm Trời và nay được chứng đạo quả”.

Lại nữa, Kinh Tạp-thí-dụ nói: “Ngày xưa, có vị Sa-môn đêm ngày tụng niệm, Con chó nằm dưới Thiên sàng lắng nghe kinh kệ, không thiết uống ăn suốt nhiều năm. Khi chết. Chó được sinh làm người nữ trong nước Xá-vệ. Lớn khôn, người nữ ấy gặp vị Sa-môn đi khát thức liền chạy đi lấy thức ăn cúng dường, vị Sa-môn rất vui mừng. Về sau, xuất gia làm Tỳ-kheo-ni, chứng được đạo quả”.

Tụng rằng:

*Vua dạy ngoài đời,  
Đạo sửa trong tâm.  
Giác hoàng chánh pháp  
Vô lượng cao thâm.  
Kính tuân diệu lý,  
Phát triển nhân đức.  
Đời đời truyền thụ,  
Thơm tho vạn thế.*

*Tứ đế cảm ngộ; Tam đạt rức rờ. Phật  
quốc rộng mở, Giáo hóa tùy cơ.  
Hữu không sẵn có, Cửu huyền thấu  
tỏ. Dạy cái không dạy, Đạo chẳng xa  
đó.”*

**NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:**

Dẫn chứng sơ lược chín chuyện linh ứng:

1- Sa-môn Trúc đạo Sinh đời Tống. 2- Cư sĩ Phí Sùng Tiên đời Tống. 3- Sa-môn Lạc-na người Thiên Trúc đời Ngụy. 4- Sa-môn Thích Tăng Phạm đời Tề. 5- Sa-môn Thích Đàm Diên đời Tùy. 6- Sa-môn Thích Tuệ Viễn đời Tùy. 7- Sa-môn Thích Pháp Ngạn đời Tùy. 8- Sa-môn Thích Đạo tông đời Đường. 9- Sa-môn Thích Đạo Tuệ đời Đường.

